TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC YÊN** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2024/HNGĐ - ST
Ngày 30 - 7 - 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đỗ Quỳnh.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hoàng Văn Hội;
2. Bà Triệu Thị Thủy Hoàn.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Linh, Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Đại D Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Lý Văn Tầm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Yên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 83/2024/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2024/QĐST - HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Thạch Thị B**, sinh năm 1997
Trú tại: Thôn N, xã Ph, huyện LY, tỉnh YB;
Nơi ở: Thôn Xiêng 2, xã Tân Lập, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái; Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Triệu Văn D,** sinh năm 1989
Trú tại: Thôn N, xã Ph, huyện LY, tỉnh YB; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 4 năm 2024 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Thạch Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh Triệu Văn D về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014 đến ngày 15-12-2016 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phan Thanh, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Quá trình chung sống B thường đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống

vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị B và anh D hiện tại sống ly thân từ cuối năm 2020 đến nay, không quan tâm đến nhau nữa. Chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị B được ly hôn với anh Triệu Văn D.

Về con chung: chị B và anh D có hai con chung con thứ nhất là Triệu Thị Kim Ngân, sinh ngày 14-12-2014; con thứ hai là Triệu Thị Thiên Nga, sinh ngày 06-11-2016, sau khi ly hôn chị B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Triệu Thị Kim Ngân, giao anh D trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Triệu Thị Thiên Nga, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và tiến hành phiên hoà giải, nhưng anh D không có mặt tại Tòa án, Tòa án đã lập biên bản không hòa giải được và xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29 tháng 7 năm 2024 anh D trình bày: Về thời gian địa địa điểm điều kiện kết hôn như chị B Trình bày là đúng thực tế, về quan hệ hôn nhân anh D xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn với chị B.

Về con chung: Anh D và chị B có hai con chung Triệu Thị Kim Ngân, sinh ngày 14-12-2014; con thứ hai là Triệu Thị Thiên Nga, sinh ngày 06-11-2016, anh Diên nhất trí với quan điểm của chị B, anh nuôi cháu Nga, còn chị B nuôi cháu Ngân, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại D Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên phát biểu ý kiến đối với Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về tố tụng, nguyên đơn có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, anh D vắng mặt chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ kiện.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị B được ly hôn với anh D. Về con chung, căn cứ điều kiện về chỗ ở, đơn đề đạt nguyện vọng của con chung, yêu cầu nuôi con chung của chị B là có căn cứ. Cần giao cho chị B là người trực tiếp nuôi con chung là Triệu Thị Kim Ngân, sinh ngày 14-12-2014, giao anh D trực tiếp nuôi con chung là Triệu Thị Thiên Nga, sinh ngày 06-11-2016, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Chị B phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Toà án thụ lý và giải quyết vụ án xác định mối quan hệ pháp luật vụ án ly hôn, theo đơn khởi kiện của chị Thạch Thị B, do bị đơn anh D có hộ khẩu thường trú tại Thôn N, xã Ph, huyện LY, tỉnh YB. Căn cứ quan hệ pháp luật và thẩm

quyền theo lãnh thổ, được quy định tại khoản 1 Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái có thẩm quyền giải quyết.

Tòa án xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 do anh D được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt không có lý do.

[2] Đối với quan hệ hôn nhân: Chị Thạch Thị B và anh Triệu Văn D về chung sống với nhau như vợ chồng năm 2014 đến ngày 15-12-2016 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phan Thanh, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Việc kết hôn này tuân thủ đúng các quy định tại Điều 9, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Trong vụ án này qua lời khai của chị B cuối năm 2020 chị và anh D phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do trong cuộc sống chung vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân chị B và anh D đã sống ly thân từ thời gian đó đến nay không quan tâm đến nhau nữa.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 *" Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chungthuỷ, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cung nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình".* Trên thực tế vợ chồng chị B và anh D thường xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân là đúng thực tế, căn cứ biên bản xác minh ngày 20 tháng 5 năm 2024 tại Thôn N, xã Ph, huyện LY, tỉnh YB.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị B và anh D đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mặt khác anh D xác nhận tình cảm vợ chồng không còn đồng ý ly hôn với chị B, do đó Hội đồng xét xử, xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị B được ly hôn với anh Triệu Văn D.

[3] Về con chung: Chị B và anh D đều có thu nhập và chỗ ở ổn định, con chung con thứ nhất là Triệu Thị Kim Ngân, sinh ngày 14-12-2014 hiện đang ở cùng chị B, nguyện vọng của cháu Ngân được ở với mẹ; con thứ hai là Triệu Thị Thiên Nga, sinh ngày 06-11-2016 hiện đang ở cùng anh D, nguyện vọng của cháu Nga được ở với bố. Khi ly hôn chị B yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị B được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Ngân và giao anh D trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nga không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Phát biểu của Kiểm sát viên về nội dung vụ án, phù hợp với các tài liệu chứng cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Thạch Thị B phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thạch Thị B được ly hôn với anh Triệu Văn D.

2. Về nuôi con chung: Chị Thạch Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Triệu Thị Kim Ngân, sinh ngày 14-12-2014 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi, anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Triệu Thị Thiên Nga, sinh ngày 06-11-2016 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau, chị B và anh D có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Thạch Thị B phải nộp 300.000,đ *(Ba trăm nghìn đồng chẵn)* tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000,đ *(Ba trăm nghìn đồng chẵn)* theo biên lai số: AA/2023/0001703 ngày 09-4-2024 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Xác nhận chị B đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm chị B, anh D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đỗ Quỳnh

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKS Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- Thi hành án dân sự Huyện;
- UBND xã Ph;
- Các đương sự;
- Lưu HS,T.A,THS.